

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **VĂN PHÒNG - SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Chương: **417**

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC - NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /4/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	54,300,000	54,300,000			
1	Số thu phí, lệ phí	54,300,000	54,300,000	-	-	-
1.1	Lệ phí	1,000,000	1,000,000			
	Lệ phí về cấp chứng nhận, cấp bằng, cấp chứng chỉ, cấp phép	1,000,000	1,000,000			
1.2	Phí	53,300,000	53,300,000	-	-	-
	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	35,300,000	35,300,000			
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	18,000,000	18,000,000			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	-	-	-	-	-
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-			
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	KP nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính	-	-			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ	-	-			
C	Số thu nộp NSNN	36,300,000	36,300,000			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	36,300,000	36,300,000	-	-	-
1.1	Lệ phí	1,000,000	1,000,000	-	-	-
	Lệ phí cấp giấy ĐK hoạt động CS bức xạ + Chứng chỉ nhân viên BX	1,000,000	1,000,000			
1.2	Phí	35,300,000	35,300,000	-	-	-
	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	35,300,000	35,300,000			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6,608,580,972	6,608,580,972	3,591,787,212	62,712,345	-
1	Chi quản lý hành chính	4,850,893,210	4,850,893,210	3,591,787,212	62,712,345	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4,543,564,665	4,543,564,665	3,591,787,212	26,892,000	-
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	307,328,545	307,328,545		35,820,345	
2	Nghiên cứu khoa học	1,740,887,762	1,740,887,762	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1,740,887,762	1,740,887,762	-	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	1,740,887,762	1,740,887,762		-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

3	Chi bảo đảm xã hội	16,800,000	16,800,000	-		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	16,800,000	16,800,000			
4	Chi Chương trình mục tiêu					
4.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>					
4.2	Chi Chương trình mục tiêu					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>					